

Môn thi : Tiếng Trung CS1
Ngày thi: 23/5/2017

Mã môn thi:
Phòng thi : 201 A2

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI	GHI CHÚ
1	16040470	Dương Thị Lan Anh	18/08/1997	QH.2016.F.1.E4.SP			
2	16042114	Hoàng Thị Lan Anh	04/09/1998	QH.2016.F.1.E27.NN			
3	16040036	Trần Dương Minh Anh	21/06/1998	QH.2016.F.1.E15.NN			
4	16040505	Trịnh Ngọc Linh Chi	28/11/1998	QH.2016.F.1.E9.SP			
5	16040093	Phạm Thị Mĩ Duyên	19/03/1998	QH.2016.F.1.E12.NN			
6	16042170	Trương Thị Hồng Hải	09/02/1998	QH.2016.F.1.E25.NN			
7	16042867	Bùi Thị Thu Hiền	01/08/1998	QH.2016.F.1.E3.SP			
8	16041799	Đỗ Thị Thu Hương	21/07/1998	QH.2016.F.1.K2			
9	16042024	Đinh Thị Thúy Hường	25/10/1997	QH.2016.F.1.E27.NN			
10	16041651	Phạm Ngọc Bảo Khanh	08/03/1998	QH.2016.F.1.J6.NN			
11	16042856	Vũ Thị An Khanh	02/08/1998	QH.2016.F.1.E30.SP			ko đc thi
12	16041815	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12/05/1998	QH.2016.F.1.K3			
13	16040616	Đỗ Thị Khánh Linh	08/10/1998	QH.2016.F.1.E5.SP			
14	16040233	Nguyễn Thị Huyền Linh	27/08/1998	QH.2016.F.1.E16.NN			
15	15044437	Đinh Thị Thu Ngân	12/09/1997	QH.2015.F.1.J2.SP			
16	16040293	Vũ Thị Hải Ngân	15/01/1998	QH.2016.F.1.E17.NN			
17	16040318	Đinh Thị Kim Oanh	26/10/1998	QH.2016.F.1.E15.NN			
18	16041851	Trần Thị Hà Phương	27/07/1998	QH.2016.F.1.K3			
19	15041265	Đoàn Thị Thanh Phương		15E18			
20	16042889	Trần Thị Thanh Tâm	08/11/1997	QH.2016.F.1.E30.SP			ko đc thi
21	16042187	Ngô Thị Thu Thủy	07/06/1998	QH.2016.F.1.E29.NN			
22	16040397	Lê Thị Phương Thúy	19/10/1997	QH.2016.F.1.E14.NN			

Danh sách này có: sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Số bài thi:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
TRƯỞNG KHOA

HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2016 - 2017**Môn thi : Tiếng Trung CS1****Mã môn thi:****Ngày thi: 23/5/2017****Phòng thi: 202 A2**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI	GHI CHÚ
1	16040420	Nguyễn Thị Thu Trang	24/05/1998	QH.2016.F.1.E17.NN			
2	16040763	Lê Thị Huyền Trang					
3	16042337	Nguyễn Thị Phương Uyên	22/12/1998	QH.2016.F.1.E24.NN			
4	16041411	Lâm Việt An	04/05/1997	QH.2016.F.1.G2			
5	16041745	Đặng Phương Anh	25/09/1998	QH.2016.F.1.K2			
6	16042140	Trần Hà Anh	29/08/1998	QH.2016.F.1.E29.NN			
7	16042122	Nguyễn Mai Chi	14/03/1998	QH.2016.F.1.E25.NN			
8	16042021	Nông Ánh Dương	02/03/1997	QH.2016.F.1.E24.NN			
9	16040096	Ngô Hương Giang	22/11/1998	QH.2016.F.1.E15.NN			
10	16042280	Lê Thu Hằng	02/09/1998	QH.2016.F.1.E27.NN			
11	16040130	Nguyễn Thị Hạnh	13/09/1998	1			
12	16042190	Vũ Thu Hiền	22/12/1998	QH.2016.F.1.E24.NN			
13	16041793	Vũ Thị Hòa	25/08/1998	QH.2016.F.1.K2			
14	16042327	Đặng Thị Huyền	02/09/1997	QH.2016.F.1.E28.NN			
15	16042384	Trịnh Thị Huyền	15/03/1998	QH.2016.F.1.E25.NN			
16	16040206	Lê Tùng Lâm	01/08/1998	1			
17	16040634	Dương Khánh Linh	24/12/1997	QH.2016.F.1.E5.SP			
18	15044544	Hoàng Thùy Linh	01/02/1997	QH.2015.F.1.G.2.NN			
19	16040242	Trần Khánh Linh	02/02/1998	1			
20	16041561	Lê Thị Linh	05/10/1998	QH.2016.F.1.J4.NN			

Danh sách này có: sinh viên

Số bài thi:

Giám thị 1:

Người vào điểm:

Giám thị 2:

Người kiểm tra:

TRƯỞNG BỘ MÔN*Hà Nội, ngày tháng năm 2017***TRƯỞNG KHOA****ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ****DANH SÁCH THI
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2016 - 2017**

Môn thi : Tiếng Trung CS1
Ngày thi: 23/5/2017

Mã môn thi:
Phòng thi: 203 A2

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI	GHI CHÚ
1	15042717	Nguyễn Thị Lụa	30/04/1997	QH.2015.F.1.E.6.SP			
2	16040271	Nguyễn Công Minh	05/08/1998	QH.2016.F.1.E18.NN			
3	16041472	Bùi Quỳnh Nga	21/02/1998	QH.2016.F.1.G3			
4	16042202	Lê Thị Ngà	08/08/1998	QH.2016.F.1.E27.NN			
5	15044417	Nguyễn Thị Ngân	06/05/1997	QH.2015.F.1.K.3			
6	15041737	Đào Bích Ngọc	19/08/1997	QH.2015.F.1.J4.NN			
7	16042374	Phạm Minh Nhâm	21/05/1998	QH.2016.F.1.E28.NN			
8	16040309	Đỗ Yến Nhi	21/06/1998	QH.2016.F.1.E16.NN			
9	16042842	Nguyễn Thị Nhung	08/10/1997	QH.2016.F.1.E31.SP			
10	16042815	Cao Thảo Phương	04/09/1998	QH.2016.F.1.E30.SP			ko đc thi
11	16042844	Đào Bích Phương	04/08/1998	QH.2016.F.1.E31.SP			
12	16042221	Nguyễn Minh Phương	05/01/1998	QH.2016.F.1.E29.NN			
13	16040722	Nguyễn Thị Quỳnh	11/07/1998	QH.2016.F.1.E5.SP			ko đc thi
14	16042181	Trần Hữu Thành	06/05/1998	QH.2016.F.1.E27.NN			
15	16040685	Nguyễn Hương Thảo	13/07/1998	QH.2016.F.1.E8.SP			
16	16040375	Lưu Thạch Thảo	20/03/1998	QH.2016.F.1.E12.NN			
17	16040739	Nguyễn Quỳnh Thơm	04/05/1998	QH.2016.F.1.E5.SP			
18	16042382	Nguyễn Thị Thương	03/08/1998	QH.2016.F.1.E28.NN			
19	16040401	Trịnh Đăng Toàn	04/09/1994	QH.2016.F.1.E18.NN			ko đc thi
20	16040403	Phạm Ngọc Trâm	06/09/1998	QH.2016.F.1.E19.NN			ko đc thi
21	16042868	Nguyễn Thị Trang	08/09/1998	QH.2016.F.1.E30.SP			
22	16042060	Vì Thị Tứ	14/01/1997	QH.2016.F.1.E27.NN			
23	16041739	Trịnh Thu Uyên	23/01/1998	QH.2016.F.1.J7.SP			ko đc thi
24	16040449	Bùi Hồng Vân	28/08/1997	QH.2016.F.1.E16.NN			ko đc thi
25	16040460	Đoàn Thị Yến	30/06/1998	QH.2016.F.1.E17.NN			

Danh sách này có: sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Số bài thi:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
TRƯỞNG KHOA